LỊCH THỜI GIAN
CÁC CÔNG VIỆC CẦN THỰC HIỆN TRONG CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016 - 2021
(Bầu cử toàn quốc vào ngày Chủ nhật, 22/5/2016)

STT	Nội dung công việc	Thời hạn chậm nhất	Căn cứ Quy định
1	Công bố ngày bầu cử (chậm nhất 115 ngày trước ngày bầu cử)	28/01/2016	Điều 5
2	Thành lập ủy ban bầu cử ở tỉnh, huyện, xã (Chậm nhất là 105 ngày)	07/02/2016	Khoản 1, Điều 22
3	UBTVQH Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu; xác định cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội (chậm nhất 105 ngày)	07/02/2016	Điều 7, 8, 9
4	Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở các cấp (chậm nhất 105 ngày)	06/02/2016	Điều 7, 8, 9
5	UBTWMTTQVN tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất (chậm nhất là 95 ngày)	17/02/2016	Khoản 1, Điều 38
6	UBMTTQ các tỉnh, thành phố tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất (chậm nhất là 95 ngày)	17/02/2016	Khoản 1, Điều 39, Điều 50
7	UBTVQH điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội (chậm nhất là 90 ngày)	22/02/2016	Điều 40
8	Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp (chậm nhất là 90 ngày)	22/02/2016	Điều 51
9	Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng ĐBQH được bầu ở mỗi đơn vị (chậm nhất 80 ngày)	03/03/2016	Điều 10

10	Ủy ban bầu cử ở các cấp ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng ĐBHĐND được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử (chậm nhất 80 ngày)	03/03/2016	Điều 10
11	Thành lập Ban bầu cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử (chậm nhất 70 ngày)	13/03/2016	Khoản 1, 2 Điều 24
12	Thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (chậm nhất 70 ngày)	13/03/2016	Khoản 1, 2 Điều 24
13	Nộp Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội tại Hội đồng bầu cử quốc gia và ủy ban bầu cử ở tỉnh (chậm nhất 70 ngày)	13/03/2016	Khoản 1, Điều 36
14	Nộp Hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính nơi ứng cử (chậm nhất 70 ngày)	13/03/2016	Khoản 2, Điều 36
15	UBTWMTTQVN tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai (chậm nhất 65 ngày)	18/03/2016	Khoản 1, Điều 43
16	UBMTTQ các tỉnh, thành phố tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai (chậm nhất 65 ngày)	18/03/2016	Khoản 1, Điều 44, Điều 53
17	UBTVQH điều chỉnh lần thứ hai cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội (chậm nhất là 55 ngày)	28/03/2016	Điều 47
18	Thành lập Tổ bầu cử (chậm nhất 50 ngày)	02/04/2016	Điều 25
19	Niêm yết danh sách cử tri (chậm nhất 40 ngày); Tiến hành xong việc xác minh và trả lời về các vụ việc cử tri nêu lên đối với người ứng cử ĐBQH, đại biểu HĐND (chậm nhất 40 ngày)	12/04/2016	Điều 32; Khoản 4, Điều 46, Điều 55
20	Cử tri khiếu nại về việc lập danh sách cử tri (trong vòng 30 ngày kể từ ngày niêm yết danh sách); Cơ quan lập danh sách cử tri giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho người khiếu nại (trong thời hạn 5 ngày)	12/05/2016	Điều 33
21	UBTWMTTQVN tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba (chậm nhất 35 ngày)	17/04/2016	Khoản 1, Điều 43
22	UBMTTQ các tỉnh, thành phố tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba (chậm nhất 35 ngày)	17/04/2016	Khoản 1, Điều 49 và Điều 56

23	UBTWMTTQVN gửi biên bản hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia (chậm nhất là 30 ngày)	22/04/2016	Khoản 1, Điều 57
24	Ban TTUBMTTQVN cấp tỉnh gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ủy ban MTTQVN cấp tỉnh giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến ủy ban bầu cử ở tỉnh (chậm nhất là 30 ngày	22/04/2016	Khoản 2, Điều 57
25	Ban TTUBMTTQVN cấp tỉnh, huyện, xã gửi biên bản hội nghị hiệp thương, danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được UBMTTQVN cùng cấp giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND đến TTHĐND, UBMTTQ cấp trên trực tiếp và TTHĐND, UB bầu cử cùng cấp (chậm nhất 30 ngày)	22/04/2016	Khoản 1, Điều 58
26	Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước theo danh sách do Ban thường trực Ủy ban trung ương MTTQVN và Ủy ban bầu cử ở tỉnh gửi đến (chậm nhất 25 ngày)	27/04/2016	Khoản 4 Điều 57
27	Ủy ban bầu cử lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử (chậm nhất 25 ngày)	27/04/2016	Khoản 2 Điều 58
28	Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Ban bầu cử (chậm nhất 25 ngày); Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử (chậm nhất 25 ngày)	27/04/2016	Điểm h, khoản 2, Điều 23; Điểm d, khoản 3, Điều 24
29	Ủy ban bầu cử ở tỉnh công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương mình theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia (chậm nhất là 20 ngày)	02/05/2016	Khoản 7 Điều 57
30	Tổ bầu cử niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở khu vực bỏ phiếu (chậm nhất 20 ngày)	02/05/2016	Điều 59

31	Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử (thời hạn 10 ngày trước ngày ứng cử)	12/05/2016	Điều 61
32	Sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết đến Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền	12/05/2016	Điều 61
33	Trong thời hạn 10 ngày Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương	12/05/2016	Điều 70
34	**NGÀY BẦU CỬ TOÀN QUỐC ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016 - 2021 (CHỦ NHẬT, NGÀY 22/5/2016)**	**22/05/2016**	
35	Ban bầu cử lập và gửi biên bản xác định, kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử (03 bản) đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử)	27/05/2016	Khoản 3 Điều 77
36	Ban bầu cử lập và gửi biên bản xác định, kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử (04 bản) đến Ủy ban bầu cử cùng cấp, Thường trực HĐND, UBND, Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp (chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử)	27/05/2016	Khoản 4 Điều 77
37	Ủy ban bầu cử ở tỉnh lập biên bản (4 bản) gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử)	29/05/2016	Khoản 3 Điều 83
38	Ủy ban bầu cử căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử, công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình (chậm nhất là 10 ngày sau ngày bầu cử)	01/06/2016	Khoản 2, Điều 86

39	Ấn định ngày bầu cử thêm nếu có (chậm nhất 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên)	06/06/2016	Khoản 3 Điều 79
40	Ấn định ngày bầu cử lại trong trường hợp đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri (chậm nhất 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên)	06/06/2016	Khoản 4 Điều 80
41	Ấn định ngày bầu cử lại trong trường hợp hủy bỏ kết quả bầu cử ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử có vi phạm pháp luật nghiêm trọng (chậm nhất 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên)	06/06/2016	Khoản 2 Điều 81
42	Hội đồng bầu cử quốc gia lập Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước (05 bản) gửi đến đến Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và trình Quốc hội khóa mới	06/06/2016	Khoản 3 Điều 84
43	Ủy ban bầu cử lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu HĐND mà mình chịu trách nhiệm tổ chức (06 bản); cấp huyện, xã gửi HĐND, UBND, UBMTTQVN cùng cấp và cấp trên trực tiếp; cấp tỉnh gửi HĐND, UBND, UBMTTQVN cùng cấp, UBTVQH, Chính phủ, UBTƯMTTQVN	06/06/2016	Điều 85
44	Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội (chậm nhất là 20 ngày sau ngày bầu cử)	11/06/2016	Khoản 1, Điều 86
45	Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội		Khoản 1, 2 Điều 87
46	Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội		Khoản 1, 2 Điều 87
47	Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại		Điều 87

48	Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại		Điều 87
49	Xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân		Khoản 1, 2 Điều 88
50	Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ sau khi đã trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách ĐBQH được bầu, bàn giao biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về bầu cử ĐBQH cho Ủy ban TV QH khóa mới		Điều 20
51	Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương kết thúc nhiệm vụ sau khi đã trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hồ sơ, tài liệu về bầu cử tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới		Điều 28
52	Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Ủy ban bầu cử kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân		Điều 28